

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/2023/TB-MTG.

TP HCM, ngày 02 tháng 03 năm 2023.

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP MT Gas thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2022 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần MT Gas

- Mã chứng khoán: MTG
- Địa chỉ: Lô 1, ấp Thuận Đạo, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
- Điện thoại liên hệ/Tel: (0272) 3634713 Fax: (0272) 3871672.
- Email: [Phongnt.asp@anphapetrol.com](mailto:Phongnt.asp@anphapetrol.com) Website: <http://www.mtgas.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2022.

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 02/03/2023 tại đường dẫn: <http://www.mtgas.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC 2022



**CPAVIETNAM**

Qualified Services  
with Global  
Understanding and Vision



Local Expertise  
International Presence

**CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**

**Head Office in Hanoi:** 8<sup>th</sup> floor, VG Building,  
No. 235 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam

+84 (24) 3 783 2121  
+84 (24) 3 783 2122

info@cpvietnam.vn  
www.cpvietnam.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS**

Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 30

## CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần MT Gas trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần MT Gas (gọi tắt là “ Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MT Gas, Giấy đăng ký kinh doanh số 5003000179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 12/02/2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp chuyển đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1100480979, và các giấy phép thay đổi sau đó với lần gần nhất là lần thứ 17 ngày 14/11/2022.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: MT GAS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: MT GAS.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100480979 thay đổi lần thứ 17 ngày 14/11/2022 là 63.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu mươi ba tỷ đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên Sàn chứng khoán UpCOM từ ngày 25/6/2015 với mã giao dịch là MTG.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Thanh Hòa	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 30/12/2022)
Ông Trương Hữu Phước	Chủ tịch (Bầu từ ngày 04/01/2023)
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Lại Văn Tú	Thành viên

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Công Quyền	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 08/11/2022)
Ông Trần Duy Luân	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 08/11/2022)
Ông Nguyễn Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 08/12/2022)

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện được nêu tại Thuyết minh số 7.1 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS**

Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trần Duy Luân**

**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2023

Số: 69/2023/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần MT Gas**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần MT Gas, được lập ngày 21/02/2023 từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A large, stylized handwritten signature in blue ink.

---

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2023/UQCN-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2023

---

**Lưu Minh Tới****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>90.576.042.485</b>	<b>24.700.934.269</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>1.867.607.883</b>	<b>413.784.543</b>
1. Tiền	111		1.867.607.883	413.784.543
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>80.702.761.935</b>	<b>19.406.674.306</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	82.544.870.414	21.223.160.518
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		453.605.000	23.100.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	1.568.878.476	1.529.091.930
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(3.864.591.955)	(3.368.678.142)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>7.836.630.229</b>	<b>4.729.727.246</b>
1. Hàng tồn kho	141		7.836.630.229	4.729.727.246
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>169.042.438</b>	<b>150.748.174</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	169.042.438	150.748.174
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>31.535.276.132</b>	<b>47.609.561.002</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>27.000.000</b>	<b>27.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	27.000.000	27.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.353.537.888</b>	<b>15.706.261.492</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	6.056.636.288	15.706.261.492
- Nguyên giá	222		35.239.564.434	68.958.682.526
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.182.928.146)	(53.252.421.034)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	296.901.600	-
- Nguyên giá	228		571.548.377	257.181.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(274.646.777)	(257.181.977)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>25.154.738.244</b>	<b>31.876.299.510</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	25.154.738.244	31.876.299.510
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>122.111.318.617</b>	<b>72.310.495.271</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>54.386.215.169</b>	<b>35.788.825.462</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>45.627.156.394</b>	<b>25.940.857.213</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	31.940.031.904	23.441.187.695
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.939.063	2.821.913
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	12.754.807.089	152.471.572
4. Phải trả người lao động	314		230.248.186	388.329.291
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	1.429.900	1.882.898.080
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	692.700.252	73.148.662
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.759.058.775</b>	<b>9.847.968.249</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	8.759.058.775	9.847.968.249
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>67.725.103.448</b>	<b>36.521.669.809</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.13</b>	<b>67.725.103.448</b>	<b>36.521.669.809</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		63.000.000.000	63.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>63.000.000.000</i>	<i>63.000.000.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		671.665.980	671.665.980
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		530.654.057	530.654.057
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.522.783.411	(27.680.650.228)
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>(27.680.650.228)</i>	<i>(28.799.208.735)</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>31.203.433.639</i>	<i>1.118.558.507</i>
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>122.111.318.617</b>	<b>72.310.495.271</b>

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Ngọc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2023  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phúc

Tổng Giám đốc



Trần Duy Luân

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	MS	TM	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	169.713.390.713	193.456.065.582
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	4.097.735.376	12.680.823.053
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	<b>10</b>	<b>6.3</b>	<b>165.615.655.337</b>	<b>180.775.242.529</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	153.363.136.667	162.438.082.158
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>12.252.518.670</b>	<b>18.337.160.371</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	1.253.410	2.947.178
7. Chi phí tài chính	22		4.629	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	10.401.382.008	11.704.641.399
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	3.459.248.963	2.936.410.748
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	<b>30</b>		<b>(1.606.863.520)</b>	<b>3.699.055.402</b>
11. Thu nhập khác	31	6.7	40.586.531.200	76.589.832
12. Chi phí khác	32	6.7	6	2.657.086.727
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>6.7</b>	<b>40.586.531.194</b>	<b>(2.580.496.895)</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30+40+45)	<b>50</b>		<b>38.979.667.674</b>	<b>1.118.558.507</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	7.776.234.035	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>31.203.433.639</b>	<b>1.118.558.507</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	4.953	178
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	2.182	178

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Hồng Ngọc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Phúc

Tổng Giám đốc



Trần Duy Luân

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		38.979.667.674	1.118.558.507
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		3.234.168.121	3.359.364.702
- Các khoản dự phòng	03		495.913.813	1.039.456.526
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(39.823.928.374)	(2.947.178)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.885.821.234	5.514.432.557
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(33.713.677.322)	(11.911.501.516)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.106.902.983)	(1.895.593.207)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10.821.155.672	4.165.388.270
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.703.267.002	4.759.455.685
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(16.410.336.397)	632.181.789
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(314.366.400)	(675.036.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		18.177.272.727	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.253.410	2.947.178
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		17.864.159.737	(672.088.822)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		1.453.823.340	(39.907.033)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		413.784.543	453.691.576
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	1.867.607.883	413.784.543

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Ngọc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2023

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phúc

Tổng Giám đốc



Trần Duy Luân

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần MT Gas được chuyển đổi từ Công ty TNHH MT Gas, Giấy đăng ký kinh doanh số 5003000179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 12/02/2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp chuyển đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1100480979, và các giấy phép thay đổi sau đó với lần gần nhất là lần thứ 17 ngày 14/11/2022.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: MT GAS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: MT GAS.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100480979 thay đổi lần thứ 17 ngày 14/11/2022 là 63.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Sáu mươi ba tỷ đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên Sàn chứng khoán UpCOM từ ngày 25/6/2015 với mã giao dịch là MTG.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 15 người (tại ngày 31/12/2021 là 34 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Thiết kế, gia công lắp đặt bồn bể, thiết kế áp lực; Mua bán thiết bị ngành xăng dầu, khí hóa lỏng;
- Sản xuất chai chứa khí áp lực LPG, CNG...;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại (trừ môi giới bất động sản), ủy thác mua bán hàng hóa;
- Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), trạm chiết LPG, CNG;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn bếp gas và các thiết bị phụ trợ ngành gas;
- Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;
- Dịch vụ quản lý, kinh doanh, điều hành, khai thác cảng;
- Sửa chữa và bảo dưỡng chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); CNG; NH<sub>3</sub>, CO<sub>2</sub>; bình chữa cháy;
- Kinh doanh: Chiết nạp khí hóa lỏng LPG, xăng, dầu, dầu mỡ nhờn;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông. Kinh doanh cảng biển, cảng sông;
- Mua bán: vật tư, thiết bị máy móc công nghiệp, sản phẩm cơ khí, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Cho thuê kho bãi; Nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà cho thuê. Xây dựng: Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, dân dụng, công nghiệp. San lấp mặt bằng. Mua bán: vật liệu xây dựng, trang trí nội - ngoại thất. Xuất nhập khẩu khí hóa lỏng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và sản xuất chai chứa khí áp lực LPG, CNG...

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 Cấu trúc Doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có một đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc là Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần MT Gas, địa chỉ tại: Phòng 919, Lầu 9, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính là giao dịch và tiếp thị.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông-tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 -20
Máy móc và thiết bị	05 -14
Phương tiện vận tải	06 -10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 15

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 năm đến 08 năm.

**Thuê hoạt động**

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê tài sản hữu hình để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**Cho thuê tài sản**

**Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Chi phí mua bảo hiểm tài sản**

Các khoản chi phí mua bảo hiểm tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn có hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

**Chi phí sửa chữa tài sản**

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

**Chi phí sơn, sửa vỏ bình gas, kiểm định vỏ bình gas**

Các khoản chi phí sơn, sửa vỏ bình gas, kiểm định vỏ bình gas được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 60 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)**

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**Chi phí vỏ bình gas**

Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí chiết khấu bán hàng: Trích trước dựa trên sản lượng tiêu thụ và đơn giá chiết khấu theo chính sách chiết khấu đã thông báo.
- Chi phí khác: Trích trước khi thực tế đã phát sinh nhưng Công ty chưa nhận được hóa đơn chứng từ liên quan.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của Chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các sản phẩm liên quan đến nhà bếp) và doanh thu cung cấp dịch vụ.

***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu từ phân bổ khoản ký cược vỏ bình gas***

Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo đường thẳng với thời hạn phân bổ là 10 năm.

***Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

***Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:** là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho tổng số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng oạt động chính của Công ty là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	4.190.081	7.450.054
Tiền gửi ngân hàng	1.863.417.802	406.334.489
<b>Tổng</b>	<b>1.867.607.883</b>	<b>413.784.543</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH LPG Tiên Phát (Lộc Hân)	28.818.727.920	16.160.276.712
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	50.353.156.532	-
Phải thu các đối tượng khác	3.372.985.962	5.062.883.806
<b>Tổng</b>	<b>82.544.870.414</b>	<b>21.223.160.518</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<b>28.857.492.920</b>	<b>16.624.999.087</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.3 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.568.878.476</b>	<b>(1.067.769.848)</b>	<b>1.529.091.930</b>	<b>(1.067.769.848)</b>
Phải thu người lao động đã nghỉ việc	1.402.434.632	(1.067.769.848)	1.402.434.632	(1.067.769.848)
Tạm ứng cho nhân viên	156.000.000	-	70.000.000	-
Các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc nộp thừa	10.443.844	-	1.566.290	-
Phải thu khác	-	-	55.091.008	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>27.000.000</b>	<b>-</b>	<b>27.000.000</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	27.000.000	-	27.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>1.595.878.476</b>	<b>(1.067.769.848)</b>	<b>1.556.091.930</b>	<b>(1.067.769.848)</b>

**5.4 Nợ xấu**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>	<b>3.864.833.309</b>	<b>241.354</b>	<b>3.864.833.309</b>	<b>496.155.167</b>
Gas Thanh Hùng	803.795.007	-	803.795.007	-
DNTN SX TM & XNK Thuận Huy	166.856.123	-	166.856.123	-
Các đối tượng khác	2.894.182.179	241.354	2.894.182.179	496.155.167

**5.5 Hàng tồn kho**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	890.009.556	-	1.070.402.589	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.542.471.225	-	2.037.622.635	-
Thành phẩm	2.733.135	-	211.096.274	-
Hàng hóa	4.401.416.313	-	1.410.605.748	-
<b>Tổng</b>	<b>7.836.630.229</b>	<b>-</b>	<b>4.729.727.246</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS**  
 Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức  
 Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Mẫu số B.09 - DN  
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng	Đơn vị tính: VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2022	44.150.693.747	17.109.090.514	4.909.470.174	752.591.855	2.036.836.236	68.958.682.526	
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	
Giảm trong năm	31.360.000.000	-	2.359.118.092	-	-	33.719.118.092	
Thanh lý, nhượng bán	31.360.000.000	-	2.359.118.092	-	-	33.719.118.092	
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>12.790.693.747</b>	<b>17.109.090.514</b>	<b>2.550.352.082</b>	<b>752.591.855</b>	<b>2.036.836.236</b>	<b>35.239.564.434</b>	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2022	32.961.584.497	12.862.813.307	4.650.845.158	752.591.855	2.024.586.217	53.252.421.034	
Tăng trong năm	2.184.103.241	926.304.609	94.045.452	-	12.250.019	3.216.703.321	
Khấu hao trong năm	2.184.103.241	926.304.609	94.045.452	-	12.250.019	3.216.703.321	
Giảm trong năm	24.927.078.117	-	2.359.118.092	-	-	27.286.196.209	
Thanh lý, nhượng bán	24.927.078.117	-	2.359.118.092	-	-	27.286.196.209	
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>10.218.609.621</b>	<b>13.789.117.916</b>	<b>2.385.772.518</b>	<b>752.591.855</b>	<b>2.036.836.236</b>	<b>29.182.928.146</b>	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại ngày 01/01/2022	11.189.109.250	4.246.277.207	258.625.016	-	12.250.019	15.706.261.492	
Tại ngày 31/12/2022	2.572.084.126	3.319.972.598	164.579.564	-	-	6.056.636.288	

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 13.510.545.137 VND (tại ngày 31/12/2021 là 12.379.185.703 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2022	257.181.977	257.181.977
Tăng trong năm	314.366.400	314.366.400
Mua trong năm	314.366.400	314.366.400
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>571.548.377</u>	<u>571.548.377</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2022	257.181.977	257.181.977
Tăng trong năm	17.464.800	17.464.800
Khấu hao trong năm	17.464.800	17.464.800
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>274.646.777</u>	<u>274.646.777</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2022	-	-
Tại ngày 31/12/2022	<u>296.901.600</u>	<u>296.901.600</u>

*Trong đó:*

Nguyên giá tài sản vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 257.181.977 VND (tại ngày 31/12/2021 là 257.181.977 VND).

**5.8 Chi phí trả trước**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<u>169.042.438</u>	<u>150.748.174</u>
Chi phí bảo hiểm tài sản	79.953.666	-
Các khoản khác	89.088.772	150.748.174
<b>b) Dài hạn</b>	<u>25.154.738.244</u>	<u>31.876.299.510</u>
Chi phí vỏ bình gas (i)	14.744.537.805	20.113.204.543
Chi phí sơn sửa, bảo dưỡng, thay van, kiểm định VBG	9.953.615.463	11.127.863.558
Các khoản khác	456.584.976	635.231.409
<b>Tổng</b>	<u>25.323.780.682</u>	<u>32.027.047.684</u>

(i) Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.12 Phải trả khác**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>692.700.252</b>	<b>73.148.662</b>
Kinh phí công đoàn	8.739.891	31.466.193
Bảo hiểm xã hội	1.223.316	41.030.611
Bảo hiểm thất nghiệp	-	651.858
Các khoản chiết khấu thương mại phải trả	682.737.045	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>8.759.058.775</b>	<b>9.847.968.249</b>
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn (i)	8.759.058.775	9.847.968.249
<b>Tổng</b>	<b>9.451.759.027</b>	<b>9.921.116.911</b>

*Trong đó:*

**Phải trả khác là các bên liên quan**

**589.903.409**

*(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)*

(i) Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas (10 năm).

**CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS**  
 Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức  
 Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Mẫu số B 09 - DN  
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.13 Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2021	63.000.000.000	671.665.980	530.654.057	(28.799.208.735)	35.403.111.302
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.118.558.507	1.118.558.507
Số dư tại ngày 31/12/2021	63.000.000.000	671.665.980	530.654.057	(27.680.650.228)	36.521.669.809
Số dư tại ngày 01/01/2022	63.000.000.000	671.665.980	530.654.057	(27.680.650.228)	36.521.669.809
Lãi trong năm nay	-	-	-	31.203.433.639	31.203.433.639
Số dư tại ngày 31/12/2022	63.000.000.000	671.665.980	530.654.057	3.522.783.411	67.725.103.448

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha	4.256.280	67,56%	4.256.280	67,56%
Ông Vũ Minh Trí	315.000	5,00%	315.000	5,00%
Các cổ đông khác	1.728.720	27,44%	1.728.720	27,44%
<b>Tổng</b>	<b>6.300.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>6.300.000</b>	<b>100,00%</b>
			<b>Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)</b>	<b>Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)</b>
			42.562.800.000	42.562.800.000
			3.150.000.000	3.150.000.000
			17.287.200.000	17.287.200.000
			<b>63.000.000.000</b>	<b>63.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	63.000.000.000	63.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	63.000.000.000	63.000.000.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	6.300.000	6.300.000
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	6.300.000	6.300.000
Cổ phiếu phổ thông	6.300.000	6.300.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	6.300.000	6.300.000
Cổ phiếu phổ thông	6.300.000	6.300.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	671.665.980	671.665.980
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	530.654.057	530.654.057

**5.14 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

**Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND	Thời điểm xóa nợ
<b>Nợ khó đòi đã xử lý</b>			
Công ty TNHH TM DV Khí Đốt Nam Việt	2.583.837.341	2.583.837.341	Năm 2020
Tạm ứng dự án Cảng Tân Tập	1.239.222.215	1.239.222.215	Năm 2020
Công ty TNHH Thành Long	262.789.405	262.789.405	Năm 2020
Công ty TNHH SX-XK Gốm Mỹ Nghệ Long Trường	232.379.461	232.379.461	Năm 2020
Công ty TNHH An Hiệp	214.325.059	214.325.059	Năm 2020
Các đối tượng khác	183.603.262	183.603.262	Năm 2020
<b>Tổng</b>	<b>4.716.156.743</b>	<b>4.716.156.743</b>	

Nguyên nhân của việc xóa nợ: các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán và được trích lập dự phòng 100%, sau 03 năm từ thời điểm trích lập dự phòng, Công ty không thu hồi được nợ do không liên lạc được với đối tượng phải thu, đồng thời, các đối tượng phải thu này không có mặt tại địa điểm cư trú (đối với các khoản tạm ứng cho cá nhân) hoặc địa điểm kinh doanh (đối với tổ chức).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	166.040.743.117	189.458.874.370
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.101.238.122	951.125.773
Doanh thu từ phân bổ ký quỹ ký cược vỏ bình gas	2.571.409.474	3.046.065.439
<b>Tổng</b>	<b>169.713.390.713</b>	<b>193.456.065.582</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>147.009.351.561</i>	<i>103.474.386.096</i>

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chiết khấu thương mại	4.097.735.376	12.680.823.053
<b>Tổng</b>	<b>4.097.735.376</b>	<b>12.680.823.053</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>3.312.896.893</i>	<i>7.908.873.887</i>

**6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	161.943.007.741	176.778.051.317
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.101.238.122	951.125.773
Doanh thu từ phân bổ ký quỹ ký cược vỏ bình gas	2.571.409.474	3.046.065.439
<b>Tổng</b>	<b>165.615.655.337</b>	<b>180.775.242.529</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan</i>	<i>143.696.454.668</i>	<i>95.565.512.209</i>

**6.4 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	153.363.136.667	162.430.818.522
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	7.263.636
<b>Tổng</b>	<b>153.363.136.667</b>	<b>162.438.082.158</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.5 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.253.410	2.947.178
<b>Tổng</b>	<b>1.253.410</b>	<b>2.947.178</b>

**6.6 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>10.401.382.008</b>	<b>11.704.641.399</b>
Chi phí nhân viên	47.278.719	142.304.139
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	9.968.808.829	11.063.567.533
Chi phí khấu hao TSCĐ	193.717.914	10.839.390
Chi phí dịch vụ mua ngoài	171.171.645	478.867.812
Chi phí bằng tiền khác	20.404.901	9.062.525
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>3.459.248.963</b>	<b>2.936.410.748</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2.169.271.910	1.444.568.782
Chi phí đồ dùng văn phòng	25.808.343	14.039.015
Chi phí khấu hao TSCĐ	111.510.252	103.377.112
Thuế phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dự phòng	495.913.813	1.039.456.526
Chi phí dịch vụ mua ngoài	486.843.531	327.299.313
Chi phí bằng tiền khác	164.901.114	2.670.000
<b>Tổng</b>	<b>13.860.630.971</b>	<b>14.641.052.147</b>

**6.7 Lợi nhuận khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	39.822.674.964	-
Thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	632.058.400	-
Nhập hàng hóa dư sau khi kiểm kê	131.451.126	-
Các khoản khác	346.710	76.589.832
<b>Tổng</b>	<b>40.586.531.200</b>	<b>76.589.832</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Xử lý tài sản thiếu	-	2.657.086.443
Chi phí khác	6	284
<b>Tổng</b>	<b>6</b>	<b>2.657.086.727</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40.586.531.194</b>	<b>(2.580.496.895)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.979.667.674	1.118.558.507
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm		
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>192.411.954</i>	<i>2.681.168.231</i>
Thu nhập chịu thuế	39.172.079.628	3.799.726.738
<i>Lỗ được kết chuyển</i>	<i>(290.909.452)</i>	<i>(3.799.726.738)</i>
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	38.881.170.176	-
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.776.234.035	-
<b>Tổng</b>	<b>7.776.234.035</b>	<b>-</b>

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	31.203.433.639	1.118.558.507
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	31.203.433.639	1.118.558.507
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	6.300.000	6.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.953	178

**6.10 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	31.203.433.639	1.118.558.507
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	31.203.433.639	1.118.558.507
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	6.300.000	6.300.000
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành bổ sung (i)	8.000.000	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.182	178

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2022 số 02/2022/NQ-ĐHDCĐ-MTGas ngày 30/12/2022, Công ty dự kiến chào bán riêng lẻ cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Số cổ phiếu dự kiến được phát hành trong quý II và quý III năm 2023 là 8.000.000 cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	151.580.250.110	165.545.404.778
Chi phí nhân công	4.908.045.170	5.931.694.548
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.234.168.121	3.550.441.267
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.327.590.714	1.943.824.191
Chi phí khác bằng tiền	190.306.015	327.786.456
<b>Tổng</b>	<b>163.240.360.130</b>	<b>177.299.151.240</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 18/01/2023, Công ty công bố thông tin về Nghị quyết số 04A/2023/QĐ/HĐQT-MTG ngày 18/01/2023 về kế hoạch sử dụng vốn chi tiết từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ, như được trình bày tại Thuyết minh số 6.10. Cụ thể, tổng số tiền dự kiến thu về từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ sẽ được sử dụng để: i/ mua phần vốn góp của Công ty hoạt động sản xuất trong ngành LPG với tổng số tiền là 57.000.000.000 VND; ii/ mua cổ phần của các Công ty hoạt động sản xuất trong ngành LPG với tổng số tiền là 39.000.000.000 VND. Tới thời điểm Báo cáo, việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ và mua phần vốn góp/cổ phần nêu trên chưa được tiến hành. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc chưa đánh giá các ảnh hưởng của việc mua phần vốn góp/cổ phần đến tình hình tài chính của Công ty.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

**7.2. Thông tin về các bên liên quan**

**a. Danh sách các bên liên quan:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Đức Hải	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết cùng Tập đoàn
Công ty TNHH LPG Tiến Phát (Lộc Hân)	Công ty liên kết cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn	Công ty liên kết cùng Tập đoàn
Các Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Vũ Thanh Hòa	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên HĐQT độc lập	-	24.000.000
Ông Lại Văn Tú	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thư ký HĐQT	6.000.000	6.000.000
<b>Tổng</b>		<b>66.000.000</b>	<b>90.000.000</b>

**c. Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Trần Duy Luân	Tổng Giám đốc	430.831.337	-
<b>Tổng</b>		<b>430.831.337</b>	<b>-</b>

**d. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Giao dịch mua hàng</b>			<b>149.968.934.896</b>	<b>155.502.643.435</b>
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	148.081.195.064	155.502.643.435
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Công ty con của Công ty mẹ	Phí chiết nạp gas	1.887.739.832	-
<b>Giao dịch bán hàng</b>			<b>147.009.351.561</b>	<b>103.474.386.096</b>
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha	Công ty mẹ	Phí gửi kho	791.309.153	641.992.568
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Dịch vụ khác	101.754.546	17.200.000
Công ty Cổ phần LPG Tiến Phát (Lộc Hân)	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Bán hàng hóa Phí thuê xe	141.864.482.041 180.000.000	95.743.510.710 180.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	Công ty con của Công ty mẹ	Bán hàng hóa	4.071.805.821	6.891.682.818
<b>Giảm trừ doanh thu</b>			<b>3.312.896.893</b>	<b>7.908.873.887</b>
Công ty Cổ phần LPG Tiến Phát (Lộc Hân)	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Chiết khấu thương mại	3.289.700.984	7.460.056.387
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	Công ty con của Công ty mẹ	Chiết khấu thương mại	23.195.909	448.817.500



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**e. Số dư với các bên liên quan**

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/12/2022</u> VND	<u>01/01/2022</u> VND
<b><u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u></b>				
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	Công ty con của Công ty mẹ	Bán hàng hóa	28.857.492.920	16.624.999.087
Công ty TNHH LPG Tiến Phát (Lộc Hân)	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Bán hàng và cho thuê xe	38.765.000	384.769.875
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Công ty con của Công ty mẹ	Bán hàng hóa	28.818.727.920	16.160.276.712
<b><u>Phải trả người bán ngắn hạn</u></b>				
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	-	79.952.500
Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Công ty con của Công ty mẹ	Bán hàng hóa	31.434.636.001	22.170.277.751
<b><u>Phải trả khác ngắn hạn</u></b>				
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	Công ty con của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	30.989.152.251	22.170.277.751
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Phí chiết nạp gas	445.483.750	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	Công ty con của Công ty mẹ	Chiết khấu phải trả	589.903.409	-
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Chiết khấu phải trả	4.309.091	-
			585.594.318	-

**7.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Hồng Ngọc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Phúc

Tổng Giám đốc



Trần Duy Luân



Starting our operation from 2004 up to now, CPA VIETNAM is always proud to be one of the independent auditing companies with a reputable brand name trusted by many customers in the field of auditing and accounting in Vietnam. Our the goal is that through the professional provision of specialized services, we will help our customers to innovate their internal management system and promote their potentials to create outstanding values. That is the greatest success for our the sustainable and prosperous development. CPA VIETNAM will continue to maintain our brand name in the future.

[www.cpavietnam.vn](http://www.cpavietnam.vn)



Building a world class accounting alliance takes time - since 1989, INPACT has grown steadily and has carefully selected each and every member firm. All of our members pass through a rigorous selection process that ensures stringent criteria related to range of services, local reputation and approach to providing services can be met. We only admit firms which can prove they know their local jurisdiction like the back of their hand and which have experience of handling matters that have international dimensions. Our members embrace a service culture that emphasises personal service, rapid response times, reliability and innovative thinking.

[www.inpactglobal.org](http://www.inpactglobal.org)